

Số: 740 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 5 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Tiểu dự án GPMB, dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi (đợt 1) gồm 7 khu tái định cư: Mẫu Trạch 2, Cống Khánh, Cây Trâm, Đồng Củ, Đồng Bà Tiễn, Đồng Sát Dưới, Đồng Dưới Lộ

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước; Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016;

Căn cứ các Quyết định: số 982/QĐ-BGTVT ngày 31/3/2016; số 837/QĐ-BGTVT ngày 27/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt dự án và điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Quyết định: số 872/QĐ-UBND ngày 20/5/2016; số 2395/QĐ-UBND ngày 12/12/2017; số 655/QĐ-UBND ngày 24/4/2018; số 2091/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt và điều chỉnh Tiểu dự án GPMB, dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Quyết định: số 195/QĐ-UBND ngày 10/02/2017, số 608/QĐ-UBND ngày 03/4/2017, số 606/QĐ-UBND ngày 03/4/2017, số 733/QĐ-UBND ngày 20/4/2017, số 610/QĐ-UBND ngày 03/4/2017, số 607/QĐ-UBND ngày 03/4/2017, số 790/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán lần lượt 7 khu tái định cư: Mẫu Trạch 2, Cống Khánh, Cây Trâm, Đồng Củ, Đồng Bà Tiễn, Đồng Sát Dưới, Đồng Dưới Lộ;

Căn cứ Quyết định số 1090/QĐ-UBND ngày 09/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán 7 khu tái định cư;



Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 80/TTr-SGTVT ngày 21/11/2019 về việc đề nghị thẩm tra và phê duyệt quyết toán hoàn thành Tiểu dự án GPMB, Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi (đợt 1) gồm 7 khu tái định cư: Mẫu Trạch 2, Cống Khánh, Cây Trâm, Đông Cù, Đông Bà Tiễn, Đông Sát Dưới, Đông Dưới Lộ; trên cơ sở kết quả thẩm tra tại Báo cáo số 72/BC-STC ngày 08/5/2020 của Sở Tài chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

#### Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

1. Tên dự án: Tiểu dự án GPMB, Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi (đợt 1) gồm 7 khu tái định cư: Mẫu Trạch 2, Cống Khánh, Cây Trâm, Đông Cù, Đông Bà Tiễn, Đông Sát Dưới, Đông Dưới Lộ.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

3. Địa điểm xây dựng: Các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): Khởi công tháng 4/2017, hoàn thành tháng 12/2018.

#### Điều 2. Kết quả đầu tư (đợt 1):

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nguồn	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện		
		Đã thanh toán	Tạm ứng	Còn được thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=2-3)
<b>Tổng số</b>	<b>113.068.766.000</b>	<b>112.732.111.000</b>	<b>3.249.000</b>	<b>336.655.000</b>
Trái phiếu Chính phủ	113.068.766.000	112.732.111.000	3.249.000	336.655.000

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
<b>Tổng số</b>	<b>126.140.681.817</b>	<b>113.068.766.000</b>
1. Chi phí bồi thường GPMB, hỗ trợ và tái định cư	18.252.418.000	15.617.942.000
2. Chi phí xây dựng (bao gồm chi phí hạng mục chung; nghiệm thu điện; thuê tài nguyên; phí bảo vệ môi trường)	95.103.005.077	88.264.698.000
3. Chi phí quản lý dự án	1.450.283.000	1.450.283.000
4. Chi phí tư vấn ĐTXD	6.210.750.485	5.426.606.000
5. Chi phí khác	5.124.225.255	2.309.237.000



(Chi tiết có bảng phụ lục số 01 kèm theo)

3. Chi phí đầu tư thiệt hại được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
<b>Tổng số</b>	<b>113.068.766.000</b>		<b>0</b>	
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	113.068.766.000		0	
2. Tài sản ngắn hạn	0		0	

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không có

**Điều 3.** Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư (đợt 1) là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)
<b>Tổng số</b>	<b>113.068.766.000</b>
Trái phiếu Chính phủ	113.068.766.000

- Tổng các khoản công nợ (đợt 1) tính đến thời điểm thẩm tra là:

+ Tổng nợ phải thu: 22.464.000 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 359.119.000 đồng.

Nguồn vốn trả nợ cho Tiểu dự án (đợt 1): Chủ đầu tư sử dụng số tiền nợ tạm ứng chi phí bồi thường GPMB 3.249.000 đồng, thu hồi số tiền thanh toán vượt 22.464.000 đồng và kiến nghị Bộ Giao thông vận tải bổ sung kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ 333.406.000 đồng để thanh toán dứt điểm nợ phải trả 359.119.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục số 02 kèm theo)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn /cố định	Tài sản ngắn hạn
Sở Giao thông vận tải	113.068.766.000	0

3. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành số 72/BC-STC-ĐT ngày 08/5/2020 của Sở Tài chính và nội dung quyết toán dự án hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.



**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.201.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tăng Bính**

## Phụ lục số 01

**BẢNG TỔNG/MỘT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN VỐN HOÀN THÀNH**

Tiêu dự án GPMB, dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi (đợt 1) gồm 7 khu tái định cư: Mẫu Trạch 2, Công Khánh, Cây Trâm, Đồng Cũ, Đồng Bà Tiên, Đồng Sát Dưới, Đồng Dưới Lộ (Kèm theo Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Đơn vị tính: Đồng

TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
1	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	11.612.767.474	9.694.643.000	9.694.643.000	-1.918.124.474	0
1	Chi phí xây dựng, thiết bị (bao gồm chi phí hàng mục chung; chi phí nghiệm thu điện; thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường)	9.200.252.486	8.676.504.000	8.676.504.000	-523.748.486	0
1.1	Phần việc do Công ty TNHH Xây lắp Ngọc Quang thực hiện		961.239.000	961.239.000	0	0
1.2	Phần việc do Công ty TNHH MTV Bình An thực hiện		3.244.460.000	3.244.460.000	0	0
-	Theo hợp đồng ban đầu		3.181.332.000	3.181.332.000	0	0
-	Điều chỉnh, bổ sung		63.128.000	63.128.000	0	0
1.3	Phần việc do Công ty TNHH Thành Trung thực hiện		4.470.805.000	4.470.805.000	0	0
-	Theo hợp đồng ban đầu		4.381.125.000	4.381.125.000	0	0
-	Điều chỉnh, bổ sung		89.680.000	89.680.000	0	0
2	Chi phí quản lý dự án	145.633.000	145.633.000	145.633.000	0	0
-	Ban Quản lý dự án DTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi		101.943.000	101.943.000	0	0
-	Sở Giao thông vận tải		43.690.000	43.690.000	0	0
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	468.541.590	423.477.000	423.477.000	-45.064.590	0



TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
-	Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	229.823.907	210.643.000	210.643.000	-19.180.907	0
+	<i>Phần việc do Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Thiên Hoàng thực hiện</i>		187.778.000	187.778.000	0	0
+	<i>Phần việc do Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi thực hiện</i>		22.865.000	22.865.000	0	0
-	Thảm tra dự toán	12.110.300	11.529.000	11.529.000	-581.300	0
-	Giám sát thi công xây dựng	208.884.795	190.114.000	190.114.000	-18.770.795	0
+	<i>Phần việc do Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Đầu tư Phú Bình thực hiện</i>		170.464.000	170.464.000	0	0
+	<i>Phần việc do Công ty TNHH Xây dựng Bình An thực hiện</i>		19.650.000	19.650.000	0	0
-	Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	17.722.588	11.191.000	11.191.000	-6.531.588	0
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>201.916.398</b>	<b>67.021.000</b>	<b>67.021.000</b>	<b>-134.895.398</b>	<b>0</b>
-	Bảo hiểm công trình	19.070.077	17.800.000	17.800.000	-1.270.077	0
-	Lập cam kết bảo vệ môi trường	50.000.000	12.079.000	12.079.000	-37.921.000	0
-	Thi công rà phá bom mìn	50.000.000	10.593.000	10.593.000	-39.407.000	0
-	Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	7.951.778	7.950.000	7.950.000	-1.778	0
-	Đo vẽ bản đồ	50.000.000	18.599.000	18.599.000	-31.401.000	0
-	Thẩm định thiết kế, dự toán	9.894.543	0	0	-9.894.543	0
-	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình	15.000.000	0	0	-15.000.000	0
<b>5</b>	<b>Chi phí bồi thường, GPMB</b>	<b>600.000.000</b>	<b>382.008.000</b>	<b>382.008.000</b>	<b>-217.992.000</b>	<b>0</b>
-	Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp		370.882.000	370.882.000	0	0
-	Phục vụ bồi thường		11.126.000	11.126.000	0	0
<b>6</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>996.424.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-996.424.000</b>	<b>0</b>

TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
<b>II</b>	<b>Khu tái định cư Cống Khánh</b>	<b>8.537.813.531</b>	<b>6.607.459.000</b>	<b>6.606.089.000</b>	<b>-1.931.724.531</b>	<b>-1.370.000</b>
1	<b>Chi phí xây dựng (bao gồm chi phí hạng mục chung; chi phí nghiệm thu điện; thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường)</b>	<b>5.924.277.738</b>	<b>5.437.418.000</b>	<b>5.437.418.000</b>	<b>-486.859.738</b>	<b>0</b>
1.1	Phần việc do Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hợp Nghĩa thực hiện		4.712.275.000	4.712.275.000	0	0
-	Theo hợp đồng ban đầu		4.413.737.000	4.413.737.000	0	0
-	Điều chỉnh, bổ sung		298.538.000	298.538.000	0	0
1.2	Phần việc do Công ty TNHH Xây lắp Ngọc Quang thực hiện		725.143.000	725.143.000	0	0
-	Theo hợp đồng ban đầu		681.282.000	681.282.000	0	0
-	Điều chỉnh, bổ sung		43.861.000	43.861.000	0	0
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>85.906.000</b>	<b>85.906.000</b>	<b>85.906.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi		60.134.000	60.134.000	0	0
-	Sở Giao thông vận tải		25.772.000	25.772.000	0	0
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>447.536.125</b>	<b>403.138.000</b>	<b>403.138.000</b>	<b>-44.398.125</b>	<b>0</b>
-	Lập Quy hoạch 1/500	103.830.600	93.200.000	93.200.000	-10.630.600	0
-	Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	158.316.950	146.200.000	146.200.000	-12.116.950	0
+	Phần việc do Công ty TNHH Tư vấn Tổng hợp và Xây dựng Hoàng Phúc thực hiện		129.900.000	129.900.000	0	0
+	Phần việc do Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi thực hiện		16.300.000	16.300.000	0	0
-	Thẩm tra thiết kế và dự toán	10.079.502	6.400.000	6.400.000	-3.679.502	0
-	Giám sát thi công xây dựng	162.999.226	146.147.000	146.147.000	-16.852.226	0
+	Phần việc do Công ty TNHH Tư vấn Tổng hợp Bình Minh thực hiện		126.407.000	126.407.000	0	0

TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
+	<i>Phần việc do Công ty TNHH Xây dựng Bình An thực hiện</i>		19.740.000	19.740.000	0	0
-	Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	12.309.847	11.191.000	11.191.000	-1.118.847	0
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>272.144.668</b>	<b>116.242.000</b>	<b>114.872.000</b>	<b>-157.272.668</b>	<b>-1.370.000</b>
-	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch	6.283.642	6.283.000	6.283.000	-642	0
-	Bảo hiểm công trình	16.001.098	15.052.000	15.052.000	-949.098	0
-	Thẩm định thiết kế và dự toán hạng mục cấp điện	1.036.886	1.036.000	1.036.000	-886	0
-	Lập cam kết bảo vệ môi trường	30.000.000	12.079.000	12.079.000	-17.921.000	0
-	Thi công rà phá bom mìn	66.982.000	31.369.000	31.369.000	-35.613.000	0
-	Khoan giếng lấy mẫu nước thí nghiệm	18.263.000	17.349.000	17.349.000	-914.000	0
-	Lập nhiệm vụ quy hoạch	5.845.248	5.845.000	5.845.000	-248	0
-	Công bố quy hoạch	1.369.980	1.370.000	0	-1.369.980	-1.370.000
-	Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	5.595.385	5.595.000	5.595.000	-385	0
-	Đo vẽ bản đồ	100.000.000	20.264.000	20.264.000	-79.736.000	0
-	Quản lý quy hoạch	4.383.936	0	0	-4.383.936	0
-	Thẩm định thiết kế, dự toán	5.264.416	0	0	-5.264.416	0
-	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình	10.000.000	0	0	-10.000.000	0
-	Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	1.119.077	0	0	-1.119.077	0
<b>5</b>	<b>Chi phí bồi thường, GPMB</b>	<b>934.511.000</b>	<b>564.755.000</b>	<b>564.755.000</b>	<b>-369.756.000</b>	<b>0</b>
-	Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp		548.306.000	548.306.000	0	0
-	Phục vụ bồi thường		16.449.000	16.449.000	0	0
<b>6</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>873.438.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-873.438.000</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>Khu tái định cư Cây Trâm</b>	<b>13.081.568.650</b>	<b>11.425.442.000</b>	<b>11.422.957.000</b>	<b>-1.658.611.650</b>	<b>-2.485.000</b>



TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
1	<b>Chi phí xây dựng, thiết bị (bao gồm chi phí hạng mục chung; chi phí nghiệm thu điện; thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường)</b>	<b>9.392.695.948</b>	<b>8.390.057.000</b>	<b>8.390.057.000</b>	<b>-1.002.638.948</b>	<b>0</b>
1.1	Phần việc do Công ty TNHH MTV Huy Hoàng thực hiện		7.096.350.000	7.096.350.000	0	0
-	Theo hợp đồng ban đầu		5.908.684.000	5.908.684.000	0	0
-	Điều chỉnh, bổ sung		1.187.666.000	1.187.666.000	0	0
1.2	Phần việc do Công ty TNHH MTV Nhật Thanh thực hiện		1.293.707.000	1.293.707.000	0	0
2	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>141.177.000</b>	<b>141.177.000</b>	<b>141.177.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi		98.824.000	98.824.000	0	0
-	Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi		42.353.000	42.353.000	0	0
3	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>659.914.585</b>	<b>596.134.000</b>	<b>596.134.000</b>	<b>-63.780.585</b>	<b>0</b>
-	Lập Qui hoạch 1/500	150.418.600	132.500.000	132.500.000	-17.918.600	0
-	Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	227.507.583	212.590.000	212.590.000	-14.917.583	0
+	Phần việc do Công ty TNHH Tư vấn Tổng hợp và Xây dựng Hoàng Phúc thực hiện		182.920.000	182.920.000	0	0
+	Phần việc do Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi thực hiện		29.670.000	29.670.000	0	0
-	Thẩm tra thiết kế và dự toán	15.568.539	10.000.000	10.000.000	-5.568.539	0
-	Giám sát thi công xây dựng	251.136.204	225.760.000	225.760.000	-25.376.204	0
+	Phần việc do Công ty TNHH Tư vấn Công trình Đông Dương thực hiện		190.640.000	190.640.000	0	0

TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
+	<i>Phần việc do Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Miền Trung thực hiện</i>		35.120.000	35.120.000	0	0
-	Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	15.283.659	15.284.000	15.284.000	341	0
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>335.334.117</b>	<b>167.526.000</b>	<b>165.041.000</b>	<b>-170.293.117</b>	<b>-2.485.000</b>
-	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch	11.398.234	11.397.000	11.397.000	-1.234	0
-	Bảo hiểm công trình	26.508.325	22.837.000	22.837.000	-3.671.325	0
-	Thẩm định thiết kế và dự toán hạng mục cấp điện	2.358.631	2.358.000	2.358.000	-631	0
-	Lập cam kết bảo vệ môi trường	30.000.000	12.079.000	12.079.000	-17.921.000	0
-	Thi công rà phá bom mìn	74.632.000	43.372.000	43.372.000	-31.260.000	0
-	Khoan giếng lấy mẫu nước thí nghiệm	29.485.000	28.010.000	28.010.000	-1.475.000	0
-	Lập nhiệm vụ quy hoạch	10.603.008	10.603.000	10.603.000	-8	0
-	Công bố quy hoạch	2.485.080	2.485.000	0	-2.485.080	-2.485.000
-	Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	7.641.830	7.641.000	7.641.000	-830	0
-	Đo vẽ bản đồ	100.000.000	26.744.000	26.744.000	-73.256.000	0
-	Quản lý quy hoạch	7.952.256	0	0	-7.952.256	0
-	Thẩm định thiết kế, dự toán	5.741.387	0	0	-5.741.387	0
-	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình	25.000.000	0	0	-25.000.000	0
-	Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	1.528.366	0	0	-1.528.366	0
<b>5</b>	<b>Chi phí bồi thường, GPMB</b>	<b>2.552.447.000</b>	<b>2.130.548.000</b>	<b>2.130.548.000</b>	<b>-421.899.000</b>	<b>0</b>
-	Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp		2.068.493.000	2.068.493.000	0	0
-	Phục vụ bồi thường		62.055.000	62.055.000	0	0
<b>6</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
<b>IV</b>	<b>Khu tái định cư Đồng Cũ</b>	<b>19.551.278.533</b>	<b>17.390.206.000</b>	<b>17.387.657.000</b>	<b>-2.163.621.533</b>	<b>-2.549.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng, thiết bị (bao gồm chi phí hạng mục chung; chi phí nghiệm thu điện; thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường)</b>	<b>14.854.782.509</b>	<b>13.843.930.000</b>	<b>13.843.930.000</b>	<b>-1.010.852.509</b>	<b>0</b>
1.1	Phần việc do Công ty TNHH MTV 19/5 thực hiện		11.969.284.000	11.969.284.000	0	0
-	Theo hợp đồng ban đầu		11.541.022.000	11.541.022.000	0	0
-	Điều chỉnh, bổ sung		428.262.000	428.262.000	0	0
1.2	Phần việc do Công ty TNHH Xây lắp Ngọc Quang thực hiện		1.874.646.000	1.874.646.000	0	0
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>200.175.000</b>	<b>200.175.000</b>	<b>200.175.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi		140.122.000	140.122.000	0	0
-	Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi		60.053.000	60.053.000	0	0
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>969.268.895</b>	<b>874.744.000</b>	<b>874.744.000</b>	<b>-94.524.895</b>	<b>0</b>
-	Lập Qui hoạch 1/500	153.081.000	136.200.000	136.200.000	-16.881.000	0
-	Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	347.719.778	313.895.000	313.895.000	-33.824.778	0
+	Phần việc do Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi thực hiện		268.318.000	268.318.000	0	0
+	Phần việc do Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi thực hiện		45.577.000	45.577.000	0	0
-	Thẩm tra thiết kế và dự toán	24.347.932	10.000.000	10.000.000	-14.347.932	
-	Giám sát thi công xây dựng	413.497.025	386.810.000	386.810.000	-26.687.025	0
+	Phần việc do Công ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng Công Thành thực hiện		330.320.000	330.320.000	0	0

TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
+	<i>Phần việc do Công ty TNHH Xây dựng Bình An thực hiện</i>		56.490.000	56.490.000	0	0
-	Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	30.623.160	27.839.000	27.839.000	-2.784.160	0
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>229.344.129</b>	<b>196.023.000</b>	<b>193.474.000</b>	<b>-35.870.129</b>	<b>-2.549.000</b>
-	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch	11.690.496	11.689.000	11.689.000	-1.496	0
-	Bảo hiểm công trình	30.985.194	28.799.000	28.799.000	-2.186.194	0
-	Thẩm định thiết kế và dự toán hạng mục cấp điện	4.681.141	4.681.000	4.681.000	-141	0
-	Lập cam kết bảo vệ môi trường	20.000.000	12.079.000	12.079.000	-7.921.000	0
-	Thi công rà phá bom mìn	80.147.000	65.557.000	65.557.000	-14.590.000	0
-	Khoan giếng lấy mẫu nước thí nghiệm	24.497.000	23.272.000	23.272.000	-1.225.000	0
-	Lập nhiệm vụ quy hoạch	10.874.880	10.875.000	10.875.000	120	0
-	Công bố quy hoạch	2.548.800	2.549.000	0	-2.548.800	-2.549.000
-	Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	13.919.618	13.919.000	13.919.000	-618	0
-	Đo vẽ bản đồ	30.000.000	22.603.000	22.603.000	-7.397.000	0
-	Quản lý quy hoạch	8.156.160	0	0	-8.156.160	0
-	Thẩm định thiết kế, dự toán	11.983.440	0	0	-11.983.440	0
-	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình	15.000.000	0	0	-15.000.000	0
-	Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	2.783.924	0	0	-2.783.924	0
<b>5</b>	<b>Chi phí bồi thường, GPMB</b>	<b>3.297.708.000</b>	<b>2.275.334.000</b>	<b>2.275.334.000</b>	<b>-1.022.374.000</b>	<b>0</b>
-	Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp		2.209.062.000	2.209.062.000	0	0
-	Phục vụ bồi thường		66.272.000	66.272.000	0	0
<b>6</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
<b>V</b>	<b>Khu tái định cư Đồng Bà Tiên</b>	<b>12.761.093.413</b>	<b>11.373.937.000</b>	<b>11.371.707.000</b>	<b>-1.389.386.413</b>	<b>-2.230.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng (bao gồm chi phí hạng mục chung; chi phí nghiệm thu điện; thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường)</b>	<b>9.427.290.341</b>	<b>8.762.593.000</b>	<b>8.762.593.000</b>	<b>-664.697.341</b>	<b>0</b>
1.1	Phần việc do Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Quảng Ngãi thực hiện		7.193.363.000	7.193.363.000	0	0
-	Theo hợp đồng ban đầu		6.345.656.000	6.345.656.000	0	0
-	Điều chỉnh, bổ sung		847.707.000	847.707.000	0	0
1.2	Phần việc do Công ty TNHH MTV Nhật Thanh thực hiện		1.569.230.000	1.569.230.000	0	0
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>137.051.000</b>	<b>137.051.000</b>	<b>137.051.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi		95.936.000	95.936.000	0	0
-	Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi		41.115.000	41.115.000	0	0
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>688.387.851</b>	<b>599.388.000</b>	<b>599.388.000</b>	<b>-88.999.851</b>	<b>0</b>
-	Lập Qui hoạch 1/500	135.331.960	116.020.000	116.020.000	-19.311.960	0
-	Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	254.916.013	212.546.000	212.546.000	-42.370.013	0
+	Phần việc do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc thực hiện		172.044.000	172.044.000	0	0
+	Phần việc do Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi thực hiện		40.502.000	40.502.000	0	0
-	Thẩm tra thiết kế và dự toán	13.123.184	8.500.000	8.500.000	-4.623.184	0
-	Giám sát thi công xây dựng	267.913.934	245.219.000	245.219.000	-22.694.934	0
+	Phần việc do Công ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng Thiên Hoàng thực hiện		194.789.000	194.789.000	0	0

TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
+	<i>Phần việc do Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Miền Trung thực hiện</i>		50.430.000	50.430.000	0	0
-	Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	17.102.760	17.103.000	17.103.000	240	0
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>379.274.221</b>	<b>147.703.000</b>	<b>145.473.000</b>	<b>-233.801.221</b>	<b>-2.230.000</b>
-	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch	10.229.184	10.229.000	10.229.000	-184	0
-	Bảo hiểm công trình	27.951.886	25.031.000	25.031.000	-2.920.886	0
-	Thẩm định thiết kế và dự toán hạng mục cấp điện	4.326.241	4.326.000	4.326.000	-241	0
-	Lập cam kết bảo vệ môi trường	30.000.000	12.079.000	12.079.000	-17.921.000	0
-	Thi công rà phá bom mìn	60.000.000	53.015.000	53.015.000	-6.985.000	0
-	Lập nhiệm vụ quy hoạch	9.515.520	9.516.000	9.516.000	480	0
-	Công bố quy hoạch	2.230.200	2.230.000	0	-2.230.200	-2.230.000
-	Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	8.551.380	8.551.000	8.551.000	-380	0
-	Đo vẽ bản đồ	180.000.000	22.726.000	22.726.000	-157.274.000	0
-	Quản lý quy hoạch	7.136.640	0	0	-7.136.640	0
-	Thẩm định thiết kế, dự toán	7.622.894	0	0	-7.622.894	0
-	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình	30.000.000	0	0	-30.000.000	0
-	Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	1.710.276	0	0	-1.710.276	0
<b>5</b>	<b>Chi phí bồi thường, GPMB</b>	<b>1.818.053.000</b>	<b>1.727.202.000</b>	<b>1.727.202.000</b>	<b>-90.851.000</b>	<b>0</b>
-	Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp		1.676.895.000	1.676.895.000	0	0
-	Phục vụ bồi thường		50.307.000	50.307.000	0	0
<b>6</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>311.037.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-311.037.000</b>	<b>0</b>
<b>VI</b>	<b>Khu tái định cư Đồng Sát Dưới</b>	<b>7.457.021.087</b>	<b>6.093.567.000</b>	<b>6.092.030.000</b>	<b>-1.364.991.087</b>	<b>-1.537.000</b>



TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
1	<b>Chi phí xây dựng (bao gồm chi phí hạng mục chung; chi phí nghiệm thu điện; thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường)</b>	<b>5.048.833.154</b>	<b>4.664.296.000</b>	<b>4.664.296.000</b>	<b>-384.537.154</b>	<b>0</b>
1.1	Phần việc do Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Bảo Long thực hiện		4.433.612.000	4.433.612.000	0	0
-	Theo hợp đồng ban đầu		4.347.146.000	4.347.146.000	0	0
-	Điều chỉnh, bổ sung		86.466.000	86.466.000	0	0
1.2	Phần việc do Công ty TNHH MTV Nhật Thanh thực hiện		230.684.000	230.684.000	0	0
2	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>65.287.000</b>	<b>65.287.000</b>	<b>65.287.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi		45.701.000	45.701.000	0	0
-	Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi		19.586.000	19.586.000	0	0
3	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>405.064.021</b>	<b>373.680.000</b>	<b>373.680.000</b>	<b>-31.384.021</b>	<b>0</b>
-	Lập Quy hoạch 1/500	103.867.134	87.657.000	87.657.000	-16.210.134	0
-	Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	143.641.452	142.403.000	142.403.000	-1.238.452	0
+	Phần việc do Công ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng Thiên Hoàng thực hiện		132.010.000	132.010.000	0	0
+	Phần việc do Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi thực hiện		10.393.000	10.393.000	0	0
-	Thẩm tra thiết kế và dự toán	12.543.934	6.600.000	6.600.000	-5.943.934	0
-	Giám sát thi công xây dựng	135.181.810	127.190.000	127.190.000	-7.991.810	0
+	Phần việc do Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Quang Trung thực hiện		120.180.000	120.180.000	0	0
+	Phần việc do Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Miền Trung thực hiện		7.010.000	7.010.000	0	0

TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
-	Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	9.829.691	9.830.000	9.830.000	309	0
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>280.031.912</b>	<b>96.074.000</b>	<b>94.537.000</b>	<b>-185.494.912</b>	<b>-1.537.000</b>
-	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch	7.050.830	7.050.000	7.050.000	-830	0
-	Bảo hiểm công trình	10.566.918	9.989.000	9.989.000	-577.918	0
-	Thẩm định thiết kế và dự toán hạng mục cấp điện	501.462	501.000	501.000	-462	0
-	Lập cam kết bảo vệ môi trường	30.000.000	12.079.000	12.079.000	-17.921.000	0
-	Thi công rà phá bom mìn	50.000.000	32.453.000	32.453.000	-17.547.000	0
-	Lập nhiệm vụ quy hoạch	6.558.912	6.559.000	6.559.000	88	0
-	Công bố quy hoạch	1.537.000	1.537.000	0	-1.537.000	-1.537.000
-	Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	4.914.845	4.914.000	4.914.000	-845	0
-	Đo vẽ bản đồ	150.000.000	20.992.000	20.992.000	-129.008.000	0
-	Quản lý quy hoạch	4.919.184	0	0	-4.919.184	0
-	Thẩm định thiết kế, dự toán	2.999.792	0	0	-2.999.792	0
-	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình	10.000.000	0	0	-10.000.000	0
-	Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	982.969	0	0	-982.969	0
<b>5</b>	<b>Chi phí bồi thường, GPMB</b>	<b>941.078.000</b>	<b>894.230.000</b>	<b>894.230.000</b>	<b>-46.848.000</b>	<b>0</b>
-	Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp		868.184.000	868.184.000	0	0
-	Phục vụ bồi thường		26.046.000	26.046.000	0	0
<b>6</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>716.727.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-716.727.000</b>	<b>0</b>
<b>VII</b>	<b>Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ</b>	<b>54.331.129.129</b>	<b>49.654.116.000</b>	<b>49.644.970.000</b>	<b>-4.686.159.129</b>	<b>-9.146.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng, thiết bị (bao gồm chi phí hạng mục chung; chi phí nghiệm thu điện; thuế tài</b>	<b>41.254.872.901</b>	<b>38.489.900.000</b>	<b>38.489.900.000</b>	<b>-2.764.972.901</b>	<b>0</b>

TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt:	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
	<i>nguyên và phí bảo vệ môi trường)</i>					
1.1	Phần việc do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng 179 thực hiện		19.407.321.000	19.407.321.000	0	0
-	<i>Theo hợp đồng ban đầu</i>		16.771.081.000	16.771.081.000	0	0
-	<i>Điều chỉnh, bổ sung</i>		2.636.241.000	2.636.241.000	0	0
1.2	Phần việc do Công ty Cổ phần Tiên Hưng thực hiện		13.037.965.000	13.037.965.000	0	0
-	<i>Theo hợp đồng ban đầu</i>		12.635.797.000	12.635.797.000	0	0
-	<i>Điều chỉnh, bổ sung</i>		402.168.000	402.168.000	0	0
1.3	Phần việc do Công ty TNHH Dũng Thành thực hiện		4.178.240.000	4.178.240.000	0	0
-	<i>Theo hợp đồng ban đầu</i>		4.137.817.000	4.137.817.000	0	0
-	<i>Điều chỉnh, bổ sung</i>		40.422.000	40.422.000	0	0
1.4	Phần việc do Công ty TNHH MTV Huy Hoàng (nhà thầu phụ) thực hiện		1.866.374.000	1.866.374.000	0	0
<b>2</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>675.054.000</b>	<b>675.054.000</b>	<b>675.054.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi		472.538.000	472.538.000	0	0
-	Sở Giao thông vận tải		202.516.000	202.516.000	0	0
<b>3</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>2.572.037.418</b>	<b>2.156.045.000</b>	<b>2.156.045.000</b>	<b>-415.992.418</b>	<b>0</b>
-	Lập Quy hoạch 1/500	431.424.980	409.450.000	409.450.000	-21.974.980	0
-	Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	930.609.288	766.730.000	766.730.000	-163.879.288	0
+	<i>Phần việc do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc thực hiện</i>		679.222.000	679.222.000	0	0



TT	Cơ cấu chi phí	Giá trị dự toán được duyệt	Giá trị Chủ đầu tư trình	Giá trị quyết toán	Tăng(+), giảm(-) so với dự toán	Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị
+	<i>Phần việc do Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi thực hiện</i>		87.508.000	87.508.000	0	0
-	Thẩm tra thiết kế và dự toán	59.500.513	33.227.000	33.227.000	-26.273.513	0
-	Giám sát thi công xây dựng	1.066.731.502	870.483.000	870.483.000	-196.248.502	0
+	<i>Phần việc do Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Trường Thành thực hiện</i>		405.282.000	405.282.000	0	0
+	<i>Phần việc do Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Công Minh thực hiện</i>		365.565.000	365.565.000	0	0
+	<i>Phần việc do Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại Quảng Ngãi thực hiện</i>		99.636.000	99.636.000	0	0
-	Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	83.771.135	76.155.000	76.155.000	-7.616.135	0
<b>4</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>1.600.879.810</b>	<b>689.252.000</b>	<b>680.106.000</b>	<b>-920.773.810</b>	<b>-9.146.000</b>
-	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch	37.780.482	37.779.000	37.779.000	-1.482	0
-	Bảo hiểm công trình	78.499.807	71.269.000	71.269.000	-7.230.807	0
-	Thẩm định thiết kế và dự toán hạng mục cấp điện	9.570.763	9.570.000	9.570.000	-763	0
-	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	450.000.000	134.972.000	134.972.000	-315.028.000	0
-	Thi công rà phá bom mìn	250.000.000	251.731.000	251.731.000	1.731.000	0
-	Lập nhiệm vụ quy hoạch	34.634.141	34.634.000	34.634.000	-141	0
-	Công bố quy hoạch	9.146.340	9.146.000	0	-9.146.340	-9.146.000
-	Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	38.077.789	38.077.000	38.077.000	-789	0
-	Đo vẽ bản đồ	620.000.000	102.074.000	102.074.000	-517.926.000	0
-	Quản lý quy hoạch	27.509.142	0	0	-27.509.142	0

<b>TT</b>	<b>Cơ cấu chi phí</b>	<b>Giá trị dự toán được duyệt</b>	<b>Giá trị Chủ đầu tư trình</b>	<b>Giá trị quyết toán</b>	<b>Tăng(+), giảm(-) so với dự toán</b>	<b>Tăng(+), giảm(-) so với số đơn vị</b>
-	Thẩm định thiết kế, dự toán	13.045.788	0	0	-13.045.788	0
-	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình	25.000.000	0	0	-25.000.000	0
-	Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	7.615.558	0	0	-7.615.558	0
<b>5</b>	<b>Chi phí bồi thường, GPMB</b>	<b>8.108.621.000</b>	<b>7.643.865.000</b>	<b>7.643.865.000</b>	<b>-464.756.000</b>	<b>0</b>
-	Bồi thường, hỗ trợ trực tiếp		7.421.228.000	7.421.228.000	0	0
-	Phục vụ bồi thường		222.637.000	222.637.000	0	0
<b>6</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>119.664.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-119.664.000</b>	<b>0</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí khác (cả tiểu dự án)</b>	<b>1.825.300.000</b>	<b>848.713.000</b>	<b>848.713.000</b>	<b>-976.587.000</b>	<b>0</b>
1	Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành (đợt 1)	1.133.900.000	501.600.000	501.600.000	-632.300.000	0
2	Thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (đợt 1)	691.400.000	347.113.000	347.113.000	-344.287.000	0
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>129.157.971.817</b>	<b>113.088.083.000</b>	<b>113.068.766.000</b>	<b>-16.089.205.817</b>	<b>-19.317.000</b>

**Phụ lục số 02**  
**BẢNG CÔNG NỢ**

Tiểu dự án GPMB đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi (đợt 1) gồm 7 khu tái định cư Mẫu Trạch 2, Công Khánh, Cây Trâm, Đồng Cù, Đồng Bà Tiên, Đồng Sát Dưới, Đồng Dưới Lộ (Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 21/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số	Đã thanh toán	Tạm ứng	Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
1	Công ty TNHH Xây lắp Ngọc Quang		3.561.028.000	3.561.028.000	3.561.028.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	Xây dựng	961.239.000	961.239.000	961.239.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Công Khánh		725.143.000	725.143.000	725.143.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Cù		1.874.646.000	1.874.646.000	1.874.646.000	0	0	0
2	C.ty TNHH MTV Bình An		3.244.460.000	3.244.460.000	3.244.460.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	Xây dựng	3.244.460.000	3.244.460.000	3.244.460.000	0	0	0
3	Công ty TNHH Thành Trung		4.470.805.000	4.473.952.000	4.473.952.000	0	-3.147.000	0
-	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	Xây dựng	4.470.805.000	4.473.952.000	4.473.952.000	0	-3.147.000	0
4	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hợp Nghĩa		4.712.275.000	4.712.275.000	4.712.275.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Công Khánh	Xây dựng	4.712.275.000	4.712.275.000	4.712.275.000	0	0	0
5	Công ty TNHH MTV Huy Hoàng		8.962.724.000	8.962.724.000	8.962.724.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cây Trâm	Xây dựng	7.096.350.000	7.096.350.000	7.096.350.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ		1.866.374.000	1.866.374.000	1.866.374.000	0	0	0



TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số	Đã thanh toán	Tạm ứng	Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
6	<b>Công ty TNHH MTV Nhật Thanh</b>		<b>3.093.621.000</b>	<b>3.093.621.000</b>	<b>3.093.621.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Cây Trâm	Xây dựng	1.293.707.000	1.293.707.000	1.293.707.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Bà Tiễn		1.569.230.000	1.569.230.000	1.569.230.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới		230.684.000	230.684.000	230.684.000	0	0	0
7	<b>Công ty TNHH MTV 19/5</b>		<b>11.969.284.000</b>	<b>11.969.284.000</b>	<b>11.969.284.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Cù	Xây dựng	11.969.284.000	11.969.284.000	11.969.284.000	0	0	0
8	<b>Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Quảng Ngãi</b>		<b>7.193.363.000</b>	<b>7.193.363.000</b>	<b>7.193.363.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Bà Tiễn	Xây dựng	7.193.363.000	7.193.363.000	7.193.363.000	0	0	0
9	<b>Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Bảo Long</b>		<b>4.433.612.000</b>	<b>4.433.612.000</b>	<b>4.433.612.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới	Xây dựng	4.433.612.000	4.433.612.000	4.433.612.000	0	0	0
10	<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng 179</b>		<b>19.407.321.000</b>	<b>19.407.321.000</b>	<b>19.407.321.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ	Xây dựng	19.407.321.000	19.407.321.000	19.407.321.000	0	0	0
11	<b>C.ty Cổ phần Tiến Hưng</b>		<b>13.037.965.000</b>	<b>13.037.965.000</b>	<b>13.037.965.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ	Xây dựng	13.037.965.000	13.037.965.000	13.037.965.000	0	0	0
12	<b>C.ty TNHH Dũng Thành</b>		<b>4.178.240.000</b>	<b>4.178.240.000</b>	<b>4.178.240.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ	Xây dựng	4.178.240.000	4.178.240.000	4.178.240.000	0	0	0

TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số	Đã thanh toán	Tạm ứng	Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
13	<b>Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Thiên Hoàng</b>		<b>602.234.000</b>	<b>602.234.000</b>	<b>602.234.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	187.778.000	187.778.000	187.778.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Bà Tiền	Giám sát thi công xây dựng	194.789.000	194.789.000	194.789.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới	Lập Qui hoạch 1/500	87.657.000	87.657.000	87.657.000	0	0	0
-		Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	132.010.000	132.010.000	132.010.000	0	0	0
14	<b>Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi</b>		<b>252.815.000</b>	<b>252.815.000</b>	<b>252.815.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	22.865.000	22.865.000	22.865.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Công Khánh		16.300.000	16.300.000	16.300.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cây Trâm		29.670.000	29.670.000	29.670.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Cù		45.577.000	45.577.000	45.577.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Bà Tiền		40.502.000	40.502.000	40.502.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới		10.393.000	10.393.000	10.393.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ		87.508.000	87.508.000	87.508.000	0	0	0
15	<b>Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi</b>			<b>404.518.000</b>	<b>404.518.000</b>	<b>404.518.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số	Đã thanh toán	Tạm ứng	Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
-	Khu tái định cư Đồng Cù	Lập Qui hoạch 1/500	136.200.000	136.200.000	136.200.000	0	0	0
		Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	268.318.000	268.318.000	268.318.000	0	0	0
16	<b>C.ty CP Xây dựng Thương mại và Đầu tư Phú Bình</b>		<b>170.464.000</b>	<b>170.464.000</b>	<b>170.464.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	Giám sát thi công xây dựng	170.464.000	170.464.000	170.464.000	0	0	0
17	<b>Công ty TNHH Xây dựng Bình An</b>		<b>95.880.000</b>	<b>95.880.000</b>	<b>95.880.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	Giám sát thi công xây dựng	19.650.000	19.650.000	19.650.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cống Khánh		19.740.000	19.740.000	19.740.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Cù		56.490.000	56.490.000	56.490.000	0	0	0
18	<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Trường Thành</b>		<b>405.282.000</b>	<b>405.282.000</b>	<b>405.282.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ	Giám sát thi công xây dựng	405.282.000	405.282.000	405.282.000	0	0	0
19	<b>Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Công Minh</b>		<b>365.565.000</b>	<b>365.565.000</b>	<b>365.565.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ	Giám sát thi công xây dựng	365.565.000	365.565.000	365.565.000	0	0	0
20	<b>Công ty TNHH Tư vấn Công trình Đông Dương</b>		<b>190.640.000</b>	<b>190.640.000</b>	<b>190.640.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số	Đã thanh toán	Tạm ứng	Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
-	Khu tái định cư Cây Trâm	Giám sát thi công xây dựng	190.640.000	190.640.000	190.640.000	0	0	0
<b>21</b>	<b>Công ty TNHH Tư vấn Tổng hợp Bình Minh</b>		<b>126.407.000</b>	<b>126.407.000</b>	<b>126.407.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Cống Khánh	Giám sát thi công xây dựng	126.407.000	126.407.000	126.407.000	0	0	0
<b>22</b>	<b>C.ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Miền Trung</b>		<b>92.560.000</b>	<b>92.560.000</b>	<b>92.560.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Cây Trâm	Giám sát thi công xây dựng	35.120.000	35.120.000	35.120.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Bả Tiền		50.430.000	50.430.000	50.430.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới		7.010.000	7.010.000	7.010.000	0	0	0
<b>23</b>	<b>C.ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng Công Thành</b>		<b>330.320.000</b>	<b>330.320.000</b>	<b>330.320.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Cù	Giám sát thi công xây dựng	330.320.000	330.320.000	330.320.000	0	0	0
<b>24</b>	<b>Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Quang Trung</b>		<b>120.180.000</b>	<b>120.180.000</b>	<b>120.180.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới	Giám sát thi công xây dựng	120.180.000	120.180.000	120.180.000	0	0	0
<b>25</b>	<b>C.ty CP Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc</b>		<b>1.376.736.000</b>	<b>1.376.736.000</b>	<b>1.376.736.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Bả Tiền	Lập Qui hoạch 1/500	116.020.000	116.020.000	116.020.000	0	0	0

TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số 5=6+7	Đã thanh toán 6	Tạm ứng 7	Phải thu (-) 8=4-6	Phải trả (+) 9=4-6
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
		Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	172.044.000	172.044.000	172.044.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ	Lập Qui hoạch 1/500	409.450.000	409.450.000	409.450.000	0	0	0
		Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	679.222.000	679.222.000	679.222.000	0	0	0
26	<b>Công ty TNHH Tư vấn Tổng hợp và Xây dựng Hoàng Phúc</b>		<b>538.520.000</b>	<b>538.520.000</b>	<b>538.520.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Cống Khánh	Lập Qui hoạch 1/500	93.200.000	93.200.000	93.200.000	0	0	0
		Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	129.900.000	129.900.000	129.900.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cây Trâm	Lập Qui hoạch 1/500	132.500.000	132.500.000	132.500.000	0	0	0
		Khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	182.920.000	182.920.000	182.920.000	0	0	0
27	<b>Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình Quảng Ngãi</b>		<b>11.529.000</b>	<b>11.529.000</b>	<b>11.529.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Mầu Trạch 2	Thẩm tra dự toán	11.529.000	11.529.000	11.529.000	0	0	0
28	<b>Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Quảng Châu</b>		<b>74.727.000</b>	<b>74.727.000</b>	<b>74.727.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số	Đã thanh toán	Tạm ứng	Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
-	Khu tái định cư Công Khánh	Thẩm tra thiết kế và dự toán	6.400.000	6.400.000	6.400.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cây Trâm		10.000.000	10.000.000	10.000.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Cù		10.000.000	10.000.000	10.000.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Bà Tiền		8.500.000	8.500.000	8.500.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới		6.600.000	6.600.000	6.600.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ		33.227.000	33.227.000	33.227.000	0	0	0
29	<b>Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại Quảng Ngãi</b>		<b>99.636.000</b>	<b>99.636.000</b>	<b>99.636.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ	Giám sát thi công xây dựng	99.636.000	99.636.000	99.636.000	0	0	0
30	<b>Trung tâm Tư vấn và Kiểm định Xây dựng Dung Quất</b>		<b>68.631.000</b>	<b>68.631.000</b>	<b>68.631.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Công Khánh	Khoan giếng lấy mẫu nước thí nghiệm	17.349.000	17.349.000	17.349.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cây Trâm		28.010.000	28.010.000	28.010.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Cù		23.272.000	23.272.000	23.272.000	0	0	0
31	<b>Công ty Bảo hiểm Bảo Mình Quảng Ngãi</b>		<b>65.668.000</b>	<b>65.668.000</b>	<b>65.668.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	Bảo hiểm công trình	17.800.000	17.800.000	17.800.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cây Trâm		22.837.000	22.837.000	22.837.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Bà Tiền		25.031.000	25.031.000	25.031.000	0	0	0

TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số 5=6+7	Đã thanh toán 6	Tạm ứng 7	Phải thu (-) 8=4-6	Phải trả (+) 9=4-6
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
32	<b>Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ - Tổng Công ty Bảo hiểm PVI</b>		<b>53.840.000</b>	<b>53.840.000</b>	<b>53.840.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Cống Khánh	Bảo hiểm công trình	15.052.000	15.052.000	15.052.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Cù		28.799.000	28.799.000	28.799.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới		9.989.000	9.989.000	9.989.000	0	0	0
33	<b>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông - Chi nhánh Quảng Ngãi</b>		<b>71.269.000</b>	<b>71.269.000</b>	<b>71.269.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ	Bảo hiểm công trình	71.269.000	71.269.000	71.269.000	0	0	0
34	<b>Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Môi trường Phúc Chung</b>		<b>207.446.000</b>	<b>207.446.000</b>	<b>207.446.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	Lập cam kết bảo vệ môi trường	12.079.000	12.079.000	12.079.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cống Khánh		12.079.000	12.079.000	12.079.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cây Trâm		12.079.000	12.079.000	12.079.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Cù		12.079.000	12.079.000	12.079.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Bà Tiễn		12.079.000	12.079.000	12.079.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới		12.079.000	12.079.000	12.079.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	134.972.000	134.972.000	134.972.000	0	0	0



TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số	Đã thanh toán	Tạm ứng	Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
35	<b>Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn</b>		<b>488.090.000</b>	<b>488.090.000</b>	<b>488.090.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	Thi công rà phá bom mìn	10.593.000	10.593.000	10.593.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Công Khánh		31.369.000	31.369.000	31.369.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cây Trâm		43.372.000	43.372.000	43.372.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Cù		65.557.000	65.557.000	65.557.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Bà Tiền		53.015.000	53.015.000	53.015.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới		32.453.000	32.453.000	32.453.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ		251.731.000	251.731.000	251.731.000	0	0	0
36	<b>Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi</b>		<b>65.980.000</b>	<b>65.980.000</b>	<b>65.980.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Công Khánh	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch	6.283.000	6.283.000	6.283.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Cù		11.689.000	11.689.000	11.689.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Bà Tiền		10.229.000	10.229.000	10.229.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ		37.779.000	37.779.000	37.779.000	0	0	0
37	<b>Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Bình Sơn</b>		<b>18.447.000</b>	<b>18.447.000</b>	<b>18.447.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Cây Trâm	Thẩm định nhiệm	11.397.000	11.397.000	11.397.000	0	0	0

TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số	Đã thanh toán	Tạm ứng	Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới	vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch	7.050.000	7.050.000	7.050.000	0	0	0
<b>38</b>	<b>Sở Công Thương</b>		<b>22.472.000</b>	<b>22.472.000</b>	<b>22.472.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Công Khánh	Thẩm định thiết kế và dự toán hạng mục cấp điện	1.036.000	1.036.000	1.036.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cây Trâm		2.358.000	2.358.000	2.358.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Cù		4.681.000	4.681.000	4.681.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Bà Tiễn		4.326.000	4.326.000	4.326.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới		501.000	501.000	501.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ		9.570.000	9.570.000	9.570.000	0	0	0
<b>39</b>	<b>Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi</b>		<b>16.879.765.000</b>	<b>16.890.325.000</b>	<b>16.887.076.000</b>	<b>3.249.000</b>	<b>-19.317.000</b>	<b>12.006.000</b>
		Quản lý dự án	101.943.000	101.943.000	101.943.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	11.191.000	11.191.000	11.191.000	0	0	0
		Bồi thường, hỗ trợ GPMB + CP phục vụ bồi thường	382.008.000	382.008.000	381.201.000	807.000	0	807.000
-	Khu tái định cư Công Khánh	Quản lý dự án	60.134.000	60.134.000	60.134.000	0	0	0

TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số 5=6+7	Đã thanh toán 6	Tạm ứng 7	Phải thu (-) 8=4-6	Phải trả (+) 9=4-6
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
		Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	11.191.000	11.191.000	11.191.000	0	0	0
		Lập nhiệm vụ quy hoạch	5.845.000	5.845.000	5.845.000	0	0	0
		Công bố quy hoạch	0	1.370.000	1.370.000	0	-1.370.000	0
		Bồi thường, hỗ trợ GPMB + CP phục vụ bồi thường	564.755.000	564.755.000	564.065.000	690.000	0	690.000
		Quản lý dự án	98.824.000	98.824.000	98.824.000	0	0	0
		Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	15.284.000	15.284.000	15.284.000	0	0	0
		Lập nhiệm vụ quy hoạch	10.603.000	10.603.000	10.603.000	0	0	0
		Công bố quy hoạch	0	2.485.000	2.485.000	0	-2.485.000	0
		Bồi thường, hỗ trợ GPMB + CP phục vụ bồi thường	2.130.548.000	2.123.936.000	2.123.936.000	0	0	6.612.000
		Quản lý dự án	140.122.000	140.122.000	140.122.000	0	0	0
		Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	27.839.000	27.839.000	27.839.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cây Trâm							
-	Khu tái định cư Đồng Cù							

TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số 5=6+7	Đã thanh toán 6	Tạm ứng 7	Phải thu (-) 8=4-6	Phải trả (+) 9=4-6
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
		Lập nhiệm vụ quy hoạch	10.875.000	10.875.000	10.875.000	0	0	0
		Công bố quy hoạch	0	2.549.000	2.549.000	0	-2.549.000	0
		Bồi thường, hỗ trợ GPMB + CP phục vụ bồi thường	2.275.334.000	2.273.540.000	2.273.417.000	123.000	0	1.917.000
	Khu tái định cư Đồng Bà Tiền	Quản lý dự án	95.936.000	95.936.000	95.936.000	0	0	0
		Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	17.103.000	17.103.000	17.103.000	0	0	0
		Lập nhiệm vụ quy hoạch	9.516.000	9.516.000	9.516.000	0	0	0
		Công bố quy hoạch	0	2.230.000	2.230.000	0	-2.230.000	0
		Bồi thường, hỗ trợ GPMB + CP phục vụ bồi thường	1.727.202.000	1.727.202.000	1.727.142.000	60.000	0	60.000
	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới	Quản lý dự án	45.701.000	45.701.000	45.701.000	0	0	0
		Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	9.830.000	9.830.000	9.830.000	0	0	0
		Lập nhiệm vụ quy hoạch	6.559.000	6.559.000	6.559.000	0	0	0
		Công bố quy hoạch	0	1.537.000	1.537.000	0	-1.537.000	0



TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số 5=6+7	Đã thanh toán 6	Tạm ứng 7	Phải thu (-) 8=4-6	Phải trả (+) 9=4-6
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
		Bồi thường, hỗ trợ GPMB + CP phục vụ bồi thường	894.230.000	894.230.000	894.230.000	0	0	0
	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ	Quản lý dự án	472.538.000	472.538.000	472.538.000	0	0	0
		Lập hồ sơ yêu cầu và đánh giá hồ sơ đề xuất	76.155.000	76.155.000	76.155.000	0	0	0
		Lập nhiệm vụ quy hoạch	34.634.000	34.634.000	34.634.000	0	0	0
		Công bố quy hoạch	0	9.146.000	9.146.000	0	-9.146.000	0
		Bồi thường, hỗ trợ GPMB + CP phục vụ bồi thường	7.643.865.000	7.643.514.000	7.641.945.000	1.569.000	0	1.920.000
<b>40</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>		<b>521.732.000</b>	<b>521.732.000</b>	<b>521.732.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	Quản lý dự án	43.690.000	43.690.000	43.690.000	0	0	0
		Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	7.950.000	7.950.000	7.950.000	0	0	0
	Khu tái định cư Công Khánh	Quản lý dự án	25.772.000	25.772.000	25.772.000	0	0	0
		Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	5.595.000	5.595.000	5.595.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cây Trâm	Quản lý dự án	42.353.000	42.353.000	42.353.000	0	0	0

TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số 5=6+7	Đã thanh toán 6	Tạm ứng 7	Phải thu (-) 8=4-6	Phải trả (+) 9=4-6
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
		Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	7.641.000	7.641.000	7.641.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Cù	Quản lý dự án	60.053.000	60.053.000	60.053.000	0	0	0
		Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	13.919.000	13.919.000	13.919.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Bà Tiến	Quản lý dự án	41.115.000	41.115.000	41.115.000	0	0	0
		Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	8.551.000	8.551.000	8.551.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới	Quản lý dự án	19.586.000	19.586.000	19.586.000	0	0	0
		Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	4.914.000	4.914.000	4.914.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ	Quản lý dự án	202.516.000	202.516.000	202.516.000	0	0	0
		Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	38.077.000	38.077.000	38.077.000	0	0	0
41	C.ty Tư vấn XD và Thương mại Tân Thịnh Đông		164.391.000	164.391.000	164.391.000	0	0	0

TT	Đơn vị thực hiện, khu tái định cư	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán			Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
				Tổng số	Đã thanh toán	Tạm ứng	Phải thu (-)	Phải trả (+)
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=4-6	9=4-6
-	Khu tái định cư Mẫu Trạch 2	Đo vẽ bản đồ	18.599.000	18.599.000	18.599.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Dưới Lộ		102.074.000	102.074.000	102.074.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Sát Dưới	Đo vẽ bản đồ	20.992.000	20.992.000	20.992.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Đồng Bà Tiến		22.726.000	22.726.000	22.726.000	0	0	0
42	<b>C.ty TNHH Kỹ thuật đo đạc địa chính Quảng Ngãi</b>		<b>69.611.000</b>	<b>69.611.000</b>	<b>69.611.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
-	Khu tái định cư Đồng Cù	Đo vẽ bản đồ	22.603.000	22.603.000	22.603.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Cây Trâm		26.744.000	26.744.000	26.744.000	0	0	0
-	Khu tái định cư Công Khánh		20.264.000	20.264.000	20.264.000	0	0	0
43	<b>Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC</b>		<b>501.600.000</b>	<b>501.600.000</b>	<b>501.600.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Kiểm toán Tiêu dự án (đợt 1)	Kiểm toán Tiêu dự án (đợt 1)	501.600.000	501.600.000	501.600.000	0	0	0
44	<b>Sở Tài chính</b>	Thẩm tra phê duyệt quyết toán (đợt 1)	<b>347.113.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>347.113.000</b>
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>113.068.766.000</b>	<b>112.735.360.000</b>	<b>112.732.111.000</b>	<b>3.249.000</b>	<b>-22.464.000</b>	<b>359.119.000</b>